TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2022/DS-PT
Ngày: 20-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24/5, 30/5 và 20/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 356/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P (PG B).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ, chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ: Tòa nhà M, 229 Tây S, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đồng Tháp; địa chỉ: đường N, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho anh Hồ Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: đường X, Phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2020). *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1933; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1983; địa chỉ: đường K, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q, ông B: Luật sư Trần Tấn T, thuộc Công ty TNHH MTV T- Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.3. Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1983; địa chỉ: đường K, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP P (PG B) là anh Hồ Minh T trình bày: Vào ngày 17/01/2012, chị Dương Thị Kim L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP P theo các hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng hạn mức tín dụng số 022/2012/HĐHM/NH-TN-PCB ngày 17/01/2012, vay 800.000.000 đồng, lãi suất 22.5%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 150%/mức lãi suất biến động tương ứng với từng thời kỳ tăng, giảm lãi suất; thời hạn hạn mức 36 tháng, kể từ ngày 17/01/2012, giấy nhận nợ số 01/022/2012/HĐHM/NH-TN/GNN ngày 18/01/2012, số tiền nhận nợ là 800.000.000 đồng, ngày đến hạn 18/01/2013, mục đích vay bổ sung vốn nuôi cá Điêu Hồng, kỳ hạn trả nợ trả gốc cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ, lãi trả vào ngày 26 hàng quý. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba, cụ thể:

- Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn L là quyền sử dụng đất tổng diện tích 29.400m^2, mục đích sử dụng đất trồng lúa 19.100m^2, đất LNK 300m^2, thuộc các thửa 803, 801, 1502, cùng tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã M,

huyện T, tỉnh Đồng Tháp; giấy chứng nhận QSD đất số 481521 do UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/11/2002, số vào sổ 02557QSDĐ/H. (Tài sản thế chấp này đã được giải quyết xong, không tranh chấp trong vụ án này).

- Tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị Q là quyền sử dụng đất tổng diện tích 11.910m^2, mục đích sử dụng trồng lúa, thuộc thửa 746, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; giấy chứng nhận QSD đất số L 678234 do UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/06/1998, số vào sổ 02323 QSDĐ/A6, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 022B/2012/HĐBL/PGB ngay 16/01/2012.

Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.449m^2, mục đích sử dụng đất T 300m^2, đất vườn 1.149m^2, thuộc thửa 1714, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ w 399518 do UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28/10/2003, số vào sổ 00518 QSDĐ/1535/QĐ-UB, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 022C/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012.

Hai hợp đồng thế chấp này được bà Nguyễn Thị Q thế chấp để đảm bảo cho chị L vay số tiền 300.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/6/2020, chị L còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 677.210.514 đồng và lãi chậm trả lãi 33.980.625 đồng; tổng số tiền còn nợ 1.011.191.139 đồng. Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu chị Dương Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 1.011.191.139 đồng (trong đó số tiền vốn vay 300.000.000đ, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 677.210.514đ và lãi chậm trả lãi 33.980.625đ). Yêu cầu tính lãi tiếp tục theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số 022/2012/HĐHM/NH- TN-PCB, cho đến khi chị L, bà Q và ông B trả xong nợ. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 022B/2012/HĐBL/PGB và hợp đồng 022C/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012 để thu hồi nợ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin thay đổi yêu càu khởi kiện, cụ thể là Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 022B/2012/HĐBL/PGB và hợp đồng 022C/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012. Ngoài ra, Ngân hàng không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là chị Dương Thị Kim L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Nhật T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- *Ông Nguyễn Văn B trình bày:* Ông B là cậu của chị Dương Thị Kim L và là con rê của bà Nguyên Thị Q. Ông thống nhất với nội dung trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP P về khoảng vay của chị Dương Thị Kim L. Ngày 17/01/2012, chị Dương Thị Kim L có vay của Ngân hàng TMCP P với số tiền 800.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn L. Ông B và bà Q có ký vào hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số 022B/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012 và hợp đồng thế chấp số 022C/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012 để đảm bảo cho khoản vay số tiền 300.000.000 đồng. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông, chị Dương Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 677.210.514 đồng và lãi chậm trả lãi 33.980.625 đồng (tổng cộng là 1.011.191.139 đồng); yêu cầu tính lãi tiếp tục theo lãi suất nợ quá hạn quy định liên đới cùng với chị L và bà Q trả tiên vốn vay 300.000.000 đông và tiền lãi trong hạn đối với khoảng vay. Ngoài ra, ông không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P (PG Bank).

- Buộc chị Dương Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP P (PG B) số tiền 1.011.191.139 đồng (Một tỷ không trăm m trăm chín mươi mốt nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng ngày 17/01/2012), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Dương Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B phải liên đới chịu 42.335.734 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.540.000 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mười nghìn đồng) theo biên lai số 0009472 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02/7/2020 và 24/9/2020, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Q kháng cáo không đồng ý liên đới với chị L trả tiền cho Ngân hàng TMCP P số tiền 1.011.191.139 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông T đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đồng Tháp (Ngân hàng) trình bày: Ngân hàng yêu cầu bà L trả vốn lãi theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm vay tiền ký kết giữa Ngân hàng với bà Q, ông B thì Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu Ngân hàng thay đổi khởi kiện nên chưa xem xét giải quyết.

+ Ông T (đại diện theo ủy quyền của bà Q) và ông B trình bày: Bà Q và ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng bà L trả nợ.

+ Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Q và ông B đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quế và ông B, sửa bản án sơ thẩm và bác yêu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Q và ông B liên đới trách nhiệm cùng bà L trả nợ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Việc Ngân hàng cùng bà L ký hợp đồng là tự nguyện. Bà Q, ông B có ký hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay của bà L. Tại phiên tòa sơ thẩm ông B thừa nhận việc ông và bà Q có ký hợp đồng thế chấp tài sản. Nay anh T, ông B cho rằng không có ký tên hợp đồng vay nên không đồng ý liên

đới trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q, ông B, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà L, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng quy định. Về kháng cáo của Bà Q, ông B là hợp lệ. Ngân hàng ủy quyền cho ông T, bà Q ủy quyền cho ông T thủ tục phù hợp nên chấp nhận. Bà L triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử theo quy định.

[2] Xét thấy, ông T đại diện Ngân hàng yêu cầu bà L, bà Q, ông B liên đới trả cho Ngân hàng vốn và lãi vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 022/2012/HĐHM/NH-TN-PCB ngày 17/01/2012 giữa Ngân hàng với bà L và Giấy nhận nợ số 01/022/2012/HĐHM/NH-TN –GNN ngày 18/01/2012. Căn cứ hợp đồng thì bà L vay số tiền 800.000.000đ, lãi suất 22,5%/năm, lãi suất quá hạn tính bằng 150% mức lãi suất biến động tương ứng với từng thời kỳ tăng giảm lãi suất, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay bổ sung vốn nuôi cá điêu hồng, kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ, lãi trả vào ngày 26 hàng quý. Theo ông T trình bày, quá trình thực hiện hợp đồng thì bà L chỉ còn nợ vốn gốc 300.000.000đ và lãi 711.191.139đ (tính đến ngày 19/6/2020), nên yêu cầu trả tổng cộng 1.011.191.139đ và tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/5/2022, ông T xác nhận bà L là người nhận tiền vay nên có nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Đối với bà Q, ông B chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L trong phạm vi bảo lãnh bằng tài thế chấp để bảo đảm thi hành án. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để người có thẩm quyền của Ngân hàng thực hiện thủ tục rút lại yêu cầu bà Q, ông B liên đới trả nợ, nhưng nay người có thẩm quyền của Ngân hàng không có thay đổi yêu cầu đối với bà Q, ông B. Nhận thấy, ông T cho rằng việc Ngân hàng cho bà L vay tiền có nhận tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và ông T thừa nhận theo hợp đồng thế chấp thể hiện hình thức bảo lãnh trả

nợ bằng tài sản, nhưng ông T và ông B cho rằng việc thế chấp không đúng và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết việc thế chấp tài sản. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Q và ông B chịu trách nhiệm liên đới là chưa phù hợp thỏa thuận giữa các bên; tại Tòa án cấp sơ thẩm ông B cũng không đồng ý liên đới trả toàn bộ nợ của bà L; đồng thời chưa có xem xét giải quyết việc thế chấp bảo lãnh, nên bà Q và ông B kháng cáo là có cơ sở.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 022B/2012/HĐBL/PGB, số 022C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Q và ông B đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q và ông B, sửa một phần bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Q và ông B, sửa một bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q và ông B, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí: Bà Q, ông B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 148, 227, 244 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị Quế và ông Nguyễn Văn Bo.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Buộc bà Dương Thị Kim L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đồng Tháp, số tiền 1.011.191.139đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng) và phải phù hợp quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Dương Thị Kim L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 42.335.734đ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đồng Tháp, số tiền 21.540.000đ theo biên lai số 0009472 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn B, số tiền 300.000đ theo biên lai số 0003878 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng